

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/LA/La Vie/2024
(TCCS 02:2024/LA VIE)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH La Vie

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam

Điện thoại: 02723 511801

Fax: 0272 3511740

Mã số doanh nghiệp: 1100101187

Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000): Được đánh giá và tái chứng nhận theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước uống đóng chai có khoáng thiên nhiên La Vie vị dịu nhẹ

2. Thành phần: Nước uống

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Ngày đầu tiên của tháng thứ 12 tính từ tháng sản xuất.

NSX và HSD được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai với thể tích thực 500ml.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa, nắp nhựa phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm là mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Long An, ngày 19 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



ĐỖ HỮU HÀO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

101187

**LA VIE LIGHT – WATER WITH ESSENCE
FROM NATURAL MINERAL SOURCE**

Được sản xuất từ nước khoáng thiên nhiên

Tham phân: Nước uống

Và tất cả các loại nước uống thiên nhiên

Hydrates (H₂O) 95-99ml/l

Natri (Na): 15-35mg/L

Magnesi (Mg): 0,5-5mg/L

K⁺, HCO₃⁻ được bổ sung.

Loại 1: Hộp chứa 4 chai, các chai chứa 1 lít nước khoáng thiên nhiên. Hộp đựng 1 lít nước khoáng thiên nhiên. Hộp đựng 1 lít nước khoáng thiên nhiên.

Sản phẩm xuất xứ từ Công ty TNHH LVN
Được 100% Phấn Hoa, TP. Tân An, Long An.

TRONG CHAI

Phấn Hoa, TP. Tân An, Long An, Việt Nam

Mã sản phẩm: 81935005

81935005

81935005



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



★) Dựa trên kết quả nghiên cứu thí trường thực hiện bằng trắc nghiệm cảm quan trên 253 Khách hàng tại TP.HCM trong tháng 7 năm 2023 bởi công ty nghiên cứu thí trường IPSOS

Đóng chai tại:

Đồng chair tại:
Khánh Hậu, TP. Tân An, T. Long An, Việt Nam.

Số TCCS: 02:2024/LA VIE

KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/03/2024
Trang/ Page 01 / 06

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY KT3 – 00626AMT4/R THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3 – 00626AMT4, NGÀY 20/02/2024^(a)
THIS TESTREPORT KT3 – 00626AMT4/R REPLACES FOR TESTREPORT NO. KT3 – 00626AMT4 DATED 20/02/2024^(a)

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CÓ KHOÁNG THIÊN NHIÊN
LA VIE VỊ DỊ NHỆ
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 07h30 - 06/02/2024
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Nhãn hiệu: "LAVIE";
Label: "LAVIE";
- Số đơn vị/mẫu: 0,5 L x 24;
Unit/sample: 0,5 L x 24;
- Dụng cụ chứa: chai nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 15/02/2024
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 15/02/2024 – 20/02/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH LA VIE
Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/03/2024

Trang/ Page 02 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻) Nitrite content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	3	KPH	0,02
7.2	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻) Nitrate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	50	< 0,4 (**)	0,1
7.3	Hàm lượng tổng clo dư (Cl ₂) Total chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	5	KPH	0,02
7.4	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	< 0,1 (**)	0,03
7.5	Hàm lượng cyanua tổng (CN ⁻) Cyanide content	mg/L	TCVN 6181:1996	0,07	KPH	0,005
7.6	Hàm lượng bo (B) Boron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,5	0,04	-
7.7	Hàm lượng bari (Ba) Barium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,7	KPH	0,02
7.8	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,4	KPH	0,02
7.9	Hàm lượng đồng (Cu) Copper content	mg/L	US EPA Method 200.8	2	KPH	0,02
7.10	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,001
7.11	Hàm lượng niken (Ni) Nikel content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,005
7.12	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,005
7.13	Hàm lượng crôm (Cr) Chromium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,05	KPH	0,005
7.14	Hàm lượng Selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,005

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/03/2024
Trang/ Page 03 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.15	Hàm lượng molybden (Mo) Molybdenum content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,07	KPH	0,005
7.16	Hàm lượng antimon (Sb) Antimoni content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,02	KPH	0,005
7.17	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,006	KPH	0,0005
7.18	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,001
7.19	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,01	KPH	0,004
7.20	Hàm lượng clorat (ClO ₃ ⁻) Clorate content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01
7.21	Hàm lượng clorit (ClO ₂ ⁻) Clorite content	mg/L	SMEWW 4110 D:2023	0,7	KPH	0,01
7.22	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,5	KPH	0,05
7.23	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1	KPH	0,3
7.24	Coliform tổng số Total Coliform	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	(A)	< 1(***)	-
7.25	Escherichia coli	CFU/250 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	(B)	< 1(***)	-
7.26	Enterococci Streptococci feecal	CFU/250 mL	ISO 7899-2:2000 QCVN 06-1:2010	(A)	< 1(***)	-

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/03/2024
Trang/ Page 04 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 06- 1:2010/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.27	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit Spores of sulfite - reducing anaerobes (Clostridia)	CFU/50 mL	ISO 6461-2:1986	(A)	< 1(***)	-
7.28	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250 mL	QTTN/KT3 322:2022 (Refer to Rapid' Pseudomonas aeruginosa) – Biorad	(A)	< 1(***)	-
7.29	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KQĐ	24,0	-
7.30	Hàm lượng Canxi (Ca) Calcium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KQĐ	2,22	-
7.31	Hàm lượng magie (Mg) Magnesium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KQĐ	0,70	-
7.32	Hàm lượng bicarbonate (HCO ₃ ⁻). Bicarbonate content	mg/L	SMEWW 2320B:2023	KQĐ	65,4	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

14/03/2024
Trang/ Page 05 / 06

Ghi chú/ Notice:

(***): Kết quả được biểu thị “< 1 CFU” được xem là “không phát hiện vi sinh vật mục tiêu” trên thể tích mẫu kiểm tra/ *The result “<1 CFU” is considered “target organism not-detectable” in the volume of sample analysed*

(A) Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai, nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ; (B) Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào./ *(A) If bacteria number ≥ 1 and ≤ 2 (spore) doing the second test, > 2 rejecting the sample; B) Not detected in any sample.*

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ *National standards*

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 06-1:2010/BYT : Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai/ *National technical regulation for bottled/packaged natural mineral waters and drinking waters*

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ *Limit of quantification of method (LOQ)*

KPH: Không phát hiện/ *Not detected*

KQĐ: Không quy định/ *Not specified*

(a): Điều chỉnh thông tin tên mẫu tại mục 1. trên phiếu kết quả thử nghiệm thông qua công văn yêu cầu số 203 La Vie của khách hàng ngày 13/03/2024.

❖ Thay đổi thông tin sau:

Nội dung/ Item	Ban đầu/ Initial	Thay đổi/ Change
Tên mẫu Name of sample	LA VIE 500 mL VỊ DỊU NHỆ	NƯỚC UỐNG ĐÓNG CHAI CÓ KHOÁNG THIÊN NHIÊN LA VIE VỊ DỊU NHỆ

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-00626AMT4/R

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/03/2024
Trang/ Page 06 / 06



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

